TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 03-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Tiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Quy;

Bà Nguyễn Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Số *7/2024/QĐXXST-HS ngày 21tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

La Tiến B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1989 tại huyện T, tỉnh Cao B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ *, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Tiến L (đã chết) và bà Hà Thị P; vợ: La Thị H; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, ngày 26/8/2008 bị Công an huyện T, tỉnh Cao B xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 97 về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", phạt tiền 2.000.000 đồng, tính đến ngày thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này thì bị cáo La Tiến B đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với quyết định trên, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 23/5/2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Dương Xuân Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn K, xã Đ (hiện nay là thị trấn T), huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nông Việt T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố *, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao B, có mặt.

2. Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ *, B, Phường H, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Chị Dương Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số *, T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh La Đàm Bảo Q, sinh năm 1993, vắng mặt.

2. Bà Bế Thị N, sinh năm 1959, vắng mặt.

3. Ông Nông Thế H, sinh năm 1975, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2020, La Tiến B, trú tại: Tổ *, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, thông qua mạng xã hội Facebook đã liên hệ với Nguyễn Phi H, trú tại: Tổ *, B, Phường H, quận H, thành phố Hà Nội để thuê xe ô tô tự lái. Sau đó B đến nhà của H để làm hợp đồng thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-WIGO, biển kiểm soát 30G-142.10 với thời gian thuê xe là 03 tháng, giá thuê 8.000.000 đồng/tháng, trả tiền thuê hàng tháng và phải đặt cọc trước số tiền 20.000.000 đồng và 01 sổ hộ khẩu của La Tiến B. Sau khi thuê được xe ô tô, B đem về và chạy dịch vụ tại huyện T, tỉnh Cao B.

Ngày 23/9/2020, Nông Việt T, trú tại: Tổ dân phố *, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao B là bạn của B gọi điện thoại và đòi B số tiền 25.000.000 đồng mà B nợ của T trước đó. Do không có tiền trả nợ cho T nên B nảy sinh ý định lừa bán chiếc xe ô tô thuê để trả nợ, B nói với T "*Giờ không có tiền, cần tiền thì bán chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO nH xe không có giấy tờ gốc, chỉ có giấy tờ phôtô*"". Sau đó, B bảo T gọi điện thoại cho Dương Xuân Q, trú tại: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để bán xe. Do không biết xe ô tô TOYOTA-WIGO, biển kiểm soát 30G-142.10 là xe do B thuê nên T đã gọi điện thoại đặt vấn đề là bán chiếc xe cho Dương Xuân Q với giá 190.000.000 đồng, thỏa thuận sau khi bán được xe sẽ đưa cho B số tiền 130.000.000 đồng, còn lại B trả nợ cho T. Sau đó, T điều khiển xe ô tô TOYOTA-WIGO, biển kiểm soát 30G-142.10 chở B đến nhà Dương Xuân Q, trên đường đi có đón thêm La Đàm Bảo Q, trú tại: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao B. Khi đến nhà của Q, thì T và B vào gặp Q để bán xe còn Q ra quán nước ngồi đợi. Lúc này, Q ra xem xe và giấy tờ xe rồi đồng ý mua xe với giá 190.000.000 đồng, Q làm một tờ hợp đồng mua bán xe ô tô để T ký

vào bên người bán. T nhận tiền và đưa chìa khóa xe cho Dương Xuân Q, rồi cả T, B và Q đi về.

Ngày hôm sau, La Tiến B một mình đi đến nhà của Dương Xuân Q và bảo chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO T bán cho Q là của xe của B và yêu cầu Q phải trả thêm số tiền 110.000.000 đồng. B đề nghị sang ngang số tiền trên và đưa thêm cho Q 60.000.000 đồng tổng là 170.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Xpander mà trước đó La Đàm Bảo Q cho B mượn để đặt ở chỗ Dương Xuân Q vay tiền. Q đồng ý và yêu cầu B phải viết 01 giấy bán xe ô tô TOYOTA-WIGO với số tiền là 110.000.000 đồng. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên Dương Xuân Q đã đưa xe TOYOTA-WIGO cho em gái là Dương Thị T, trú tại Số *, đường T, phường T, thành phố L mượn. Đến đầu tháng 02/2021, hợp đồng thuê xe ô tô của B và Nguyễn Phi H hết hạn, H gọi điện thoại yêu cầu B đem xe về trả nhưng không thấy B trả xe nên H đã tự định vị xe ô tô TOYOTA-WIGO và đến nơi Dương Thị T đang để xe tại trước cửa nhà số */*, M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn rồi dùng chìa khóa phụ điều khiển xe ô tô đem về nhà. Dương Thị T đã gọi điện thoại cho Dương Xuân Q báo tin. Dương Xuân Q gọi điện thoại hỏi La Tiến B thì lúc này B mới thừa nhận chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO là xe B đi thuê và hứa hẹn sẽ trả lại tiền cho Q. Đến tháng 4/2021, Dương Xuân Q phạm tội và bị kết án 02 năm tù giam. Sau khi ra tù, Q đi tìm B và T đòi tiền, thì lúc này T mới biết xe ô tô không phải của B. Sau đó Dương Xuân Q đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T để trình báo sự việc.

Quá trình điều tra xác định, ngoài lần phạm tội này ra thì khoảng tháng 01/2022 La Tiến B tiếp tục thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-WIGO, biển kiểm soát 30G-142.10 với Nguyễn Phi H để chạy dịch vụ, nhưng do cần tiền nên B tiếp tục lừa bán chiếc xe ô tô trên cho Đặng Văn T, trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với giá 160.000.000 đồng nH do xe chỉ có giấy tờ phô tô nên T chỉ đưa cho B 60.000.000 đồng, hẹn khi nào đưa giấy tờ gốc thì đưa nốt 100.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê xe không thấy B đem trả nên Nguyễn Phi H lại định vị chiếc xe ô tô và đến nhà Đặng Văn T, khi thấy H mang giấy tờ xe gốc và nhận xe ô tô là của H thì T đã gọi điện thoại cho B xuống nhà T nói chuyện. Lo sợ T và H báo công an nên B đã đến và trả lại số tiền bán xe 60.000.000 đồng cho Đặng Văn T.

Với nội dung sự việc trên, tại bản Cáo trạng Số 63/CT-VKS ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo La Tiến B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị hại anh Dương Xuân Q trình bày: Yêu cầu La Tiến B trả 110.000.0000 đồng; đối với số tiền 190.000.000 Anh Nông Việt T đã tự nguyện trả cho anh, nên anh không có yêu cầu gì.

Bị hại anh Đặng Văn T trình bày: Anh đã được bị cáo La Tiến B trả lại số tiền 60.000.000 đồng bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nông Việt T trình bày: Số tiền bán xe có được anh đã đưa cho bị cáo B 130.000.000 đồng, số còn lại 30.000.000 đồng là bị cáo T trừ vào số tiền mà trước đó mà bị cáo B còn nợ anh T, ngày 20/9/2024 anh T đã tự nguyện trả số tiền 190.000.000 đồng cho anh Q. Còn việc bị cáo nợ tiền anh T thì anh T sẽ đòi bị cáo trả nợ sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Phi H tại cơ quan điều tra trình bày: Chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO biển kiểm soát 30G-142.10 là của anh H, anh đã được Cơ quan Điều tra đã trả lại ô tô nên anh H không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, thừa nhận hành vi của bị cáo gây ra là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo thừa nhận thuê xe của anh H về chạy dịch vụ, sau đó bị cáo đã lấy xe đi cầm cố lừa đảo anh Q chiếm đoạt tổng số tiền 300.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết, nay chiếc xe ô tô Cơ quan Cảnh sát điều công an huyện T đã thu hồi trả cho anh H. Bị cáo sẽ có trách nhiệm liên đới cùng với Nông Việt T trả số tiền nêu trên cho anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo La Tiến B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Tiến B từ 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã trả chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO biển kiểm soát 30G-142.10 cho anh H là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Anh Nông Việt T đã tự nguyện trả cho anh Dương Xuân Q 190.000.000 đồng. Buộc bị cáo B trả cho anh Dương Xuân Q 110.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã khắc phục trả nợ được 10.000.000 đồng, nay bị cáo tiếp tục trả cho anh Q 100.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo La Tiến B đã trả đủ số tiền 60.000.000 đồng cho anh Đặng Văn T.

Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí hình sự án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, sau khi tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt Anh Nguyễn Phi H, Chị Dương Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vắng mặt Anh La Đàm Bảo Q, Bà Bế Thị N là người làm chứng. Tuy nhiên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định: Do không có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo La Tiến B đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản B thủ đoạn thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu TOYOTA-WIGO, biển kiểm soát 30G-142.10 rồi nói dối là xe của mình để lừa bán cho người khác chiếm đoạt tiền. Bị cáo La Tiến B đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội gồm: Lần 1, ngày 23/9/2020, bị cáo La Tiến B đã lừa Nông Việt T đem bán chiếc xe trên cho Dương Xuân Q tại Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với giá 190.000.000 đồng. Ngày hôm sau, bị cáo B tiếp tục yêu cầu Q đưa thêm số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng là 300.000.000 đồng. Lần 2, ngày 25/01/2022, bị cáo La Tiến B lừa bán xe ô tô trên cho Đặng Văn T tại Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn với số tiền là 60.000.000 đồng. Như vậy bản Cáo trạng Số 63/CT-VKS ngày 23/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo La Tiến B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự an ninh của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH do lười lao động,

muốn lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền phục vụ lợi ích tiêu xài của bản thân nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên ngày 26/8/2008, bị cáo bị Công an huyện T, tỉnh Cao B xử phạt vi phạm hành chính tại Quyết định số 97 về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", phạt tiền 2.000.000 đồng. Tính đến ngày thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án này thì bị cáo La Tiến B đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với quyết định trên nhưng được coi là người có nhân thân không tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo không thành khẩn khai báo, khai báo không trung thực, tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong thời gian tạm giam bị cáo đã tác động gia đình nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để trả cho bị hại. Ngoài ra bị cáo có ông nội là La T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những đánh giá trên khi lượng hình cần xem xét nhân thân của bị cáo để ra mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Cần xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

[9] Về xử lý vật chứng: Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã trả chiếc xe ô tô TOYOTA-WIGO biển kiểm soát 30G-142.10 cho Anh Nguyễn Phi H là chủ sở hữu hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo La Tiến B trả cho anh Dương Xuân Q số tiền 110.000.000 đồng. Xác nhận mẹ của bị cáo đã nộp cho bị cáo 10.000.000 đồng để trả cho bị hại Dương Xuân Q, nay bị cáo phải tiếp tục trả 100.000.000 đồng cho anh Q.

[11] Xác nhận bị cáo La Tiến B trả đủ số tiền 60.000.000 đồng cho anh Đặng Văn T; ghi nhận Anh Nông Việt T tự nguyện trả cho anh Q 190.000.000 đồng theo biên nhận viết B tay ngày 20/9/2024. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với Nông Việt T, là người đem xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA-WIGO biển kiểm soát 30G-142.10 bán cho Dương Xuân Q, Nông Việt T không biết xe ô tô này là do bị cáo La Tiến B đi thuê, không biết mục đích của La Tiến B lừa bán xe lấy tiền nên không đủ căn cứ để xử lý; đối với Nguyễn Phi H, là

chủ xe ô tô TOYOTA-WIGO biển kiểm soát 30G-142.10, H là người cho La Tiến B thuê xe theo hợp đồng, không biết việc B thuê xe để đi lừa đảo nên không có căn cứ xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Bị cáo La Tiến B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo La Tiến B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo La Tiến B 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 23/5/2024.

3.Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo La Tiến B trả cho anh Dương Xuân Q 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, xác nhận mẹ của bị cáo bà La Thị P đã trả cho anh Dương Xuân Q 10.000.000 (mười triệu) đồng, theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/23, số 0001972 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn, nay bị cáo phải trả tiếp cho anh Dương Xuân Q 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và anh Dương Xuân Q có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo La Tiến B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền án phí dân

sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo La Tiến B phải chịu 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí nộp Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển